|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN LƯƠNG TÀI**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**ĐỀ CHÍNH THỨC *(Đề thi có 01 trang)* | **ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN** **NĂM HỌC 2022- 2023****Môn: Toán- Lớp 8*****Thời gian:* 150 phút** *(Không kể thời gian giao đề)**Ngày thi: 07 tháng 3 năm 2023* |

**Bài 1.** (*4,0 điểm*)

 1) Phân tích các đa thức sau thành nhân tử: .

 2) Rút gọn (với ).

 3) Cho và Tính giá trị của biểu thức:

 .

**Bài 2.** (*4,0 điểm*)

1) Tìm tất cả các số x, y nguyên dương, p nguyên tố thỏa mãn: .

2) Giải phương trình: .

**Bài 3.** (*3,0 điểm*)

1) Cho đa thức với là các số hữu tỉ. Biết rằng  có giá trị nguyên. Chứng minh rằng có giá trị nguyên.

2) Cho a, b là hai số nguyên phân biệt lớn hơn 1 thỏa mãn  là lũy thừa của một số nguyên tố khác 13 và chia hết cho . Chứng minh là số chính phương.

**Bài 4.** (*7,0 điểm*)

1) Cho tam giác ABC có ; trên tia đối của tia BA lấy điểm D sao cho BD = BC. Qua A kẻ đường thẳng vuông góc với CD cắt BC và CD lần lượt tại M và N. Đường vuông góc với BC tại C cắt AM tại K. Chứng minh rằng:

 a) là tam giác cân và ;

 b) MA.KN = MN.KA;

 c) Tính độ dài ba cạnh của tam giác ABC biết độ dài ba cạnh là ba số tự nhiên liên tiếp.

2) Cho tứ giác ABCD có . Gọi I là giao điểm của AC và BD . Chứng minh rằng tam giác ABI cân .

**Bài 5.** (*2,0 điểm)*

1. Cho x, y > 0 thỏa mãn: x + y = 1. Chứng minh: .

2) Cho một đa giác đều gồm 2019 đỉnh. Người ta tô mỗi đỉnh của đa giác bởi một màu xanh hoặc màu đỏ. Chứng minh rằng luôn tìm được ba đỉnh của đa giác là 3 đỉnh của một tam giác cân được đánh dấu bởi cùng 1 màu.

**---------- Hết ----------**

*Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*

Họ và tên thí sinh:..............................................; Số báo danh..............

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN LƯƠNG TÀI**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **HƯỚNG DẪN CHẤM****ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN** **Năm học 2022-2023****Môn thi: Toán - Lớp 8** |
| **Bài** | **Lời giải sơ lược** | **Điểm** |
| **1.1 (1,0 điểm)** |
|  | Ta có:   | 0,25 |
|  | 0,25 |
|  | 0,5 |
| **1.2 (1,5 điểm)** 2) Rút gọn (với ). |
|  |  | 0,5 |
|  | 0,25 |
|  | 0,25 |
|  | 0,25 |
| Vậy với  |   0,25 |
| **1.3. (1,5 điểm)** Cho và Tính giá trị của biểu thức:  . |
|  |  | 0,5 |
|  | 0,5 |
| Thay b = a, c = a vào biểu thức  ta được:  | 0,5 |
| **2.1. (2,0 điểm)** Tìm tất cả các số x, y nguyên dương, p nguyên tố thỏa mãn: . |
|  | Ta có Ta có số chính phương chia 3 dư 0, 1  | 0,5 |
|  mà  (do p nguyên tố) | 0,25 |
| Thay p =3 vào phương trình ta có   | 0,25 |
|  mà *y2* là chính phương và y nguyên dương  | 0,25 |
| Nếu  (loại vì 117 không chính phương) | 0,25 |
| Nếu  vì x, y nguyên dương.Vậy x = 6; y= 2; p=3 | 0,5 |
| **2.2. (2,0 điểm)** Giải phương trình: . |
|  |  | 0,25 |
|  | 0,5 |
|  | 0,25 |
| Giải (1) :  suy ra phương trình (1) vô nghiệm | 0,25 |
| Giải (2):   | 0,5 |
| Tập nghiệm của phương trình đã cho  | 0,25 |
| **3.1 (1,5 điểm)** Cho đa thức với  là các số hữu tỉ. Biết rằng  có giá trị nguyên. Chứng minh rằng  có giá trị nguyên.  |
|  |  là các số nguyên . | 0,5 |
| Từ (1) và (2)  | 0,25 |
| Từ (1) ,(3)và (4) suy ra 2*a* là số nguyên.. | 0,25 |
|  Từ (4) và 2*a* nguyên suy ra 2*b* nguyên | 0,25 |
| Vậy 2*a*, 2*b* có giá trị nguyên. | 0,25 |
| **3.2. (1,5 điểm)** Cho a, b là hai số nguyên phân biệt lớn hơn 1 thỏa mãn  là lũy thừa của một số nguyên tố khác 13 và  chia hết cho . Chứng minh  là số chính phương. |
|  | Đặt: ; p nguyên tố khác 13;  do a, b lớn 1 vàVì  | 0,5 |
| TH1: Nếu  vì  Lại có: Kết hợp với  vì p nguyên tố (loại) | 0,5 |
| TH2: Nếu m = 0 Ta lại có:  Từ (1) và (2)  là chính phương (đpcm) | 0,5 |
| **4.1. (5,5 điểm)** 1) Cho tam giác ABC có ; trên tia đối của tia BA lấy điểm D sao cho BD = BC. Qua A kẻ đường thẳng vuông góc với CD cắt BC và CD lần lượt tại M và N. Đường vuông góc với BC tại C cắt AM tại K. Chứng minh rằng: a)  là tam giác cân và ; b) MA.KN = MN.KA; c) Tính độ dài ba cạnh của tam giác ABC biết độ dài ba cạnh là ba số tự nhiên liên tiếp. |
|  | Vẽ hình + Giả thiết, kết luận | 0,25 |
| **a)**  |   cân tại B (2) | 0,5 |
| Từ (1), (2)  (2 góc đối đỉnh) cân tại B | 0,5 |
| Ta lại có  mà  | 0,5 |
| Mà  (đpcm) | 0,25 |
| **b)** | . CM là đường phân giác của  | 0,5 |
|  (3) | 0,25 |
| Chứng minh được CK là tia phân giác của góc ngoài tại C của  (4) | 0,5 |
| Từ (3), (4) (đpcm) | 0,25 |
| **c)** |  (Theo (2)),  (GT) | 0,25 |
| Xét  và  có: là góc chung,   | 0,25 |
| Đặt AB = c; AC = b; BC = aTa có:  Vì a, b, c là 3 số tự nhiên liên tiếp, ta có các trường hợp:TH1:   | 0,5 |
| TH2:Thay vào (\*) ta được: Vậy 3 cạnh của tam giác là 4; 5; 6. | 0,5 |
| **4.2(1,5 điểm)** Cho tứ giác ABCD có  . Gọi I là giao điểm của AC và BD . Chứng minh rằng tam giác ABI cân . |
|  | Giả thiết, Kết luận + hình vẽ |  0,25 |
| Từ giả thiết  | 0,25 |
| Vẽ tam giác đều BCE ( E thuộc nửa mặt phẳng bờ BC có chứa điểm A). | 0,5 |
| Từ (1) và (2) Tứ giác AIED là hình bình hành nên DE = AI. Mà DE = BI Suy ra AI = BI do đó tam giác ABI cân tại I. | 0,5 |
| **5.1. (1,0 điểm)** Cho x, y > 0 thỏa mãn: x + y = 1. Chứng minh: . |
|  | Ta có:  dấu = xảy ra khi a = bÁp dụng ta có: | 0,5 |
| Mặt khác:  Dấu bằng xảy ra khi x = y = 1/2 | 0,5 |
| **5.2 (1,0 điểm)** Cho một đa giác đều gồm 2019 đỉnh. Người ta tô mỗi đỉnh của đa giác bởi một màu xanh hoặc màu đỏ. Chứng minh rằng luôn tìm được ba đỉnh của đa giác là 3 đỉnh của một tam giác cân được đánh dấu bởi cùng 1 màu.  |
|  | Vì đa giác đều có số đỉnh là 2019 (số lẻ) nên tồn tại 2 đỉnh kề nhau được tô cùng 1 màu, gọi 2 đỉnh đó là A và B. Mặt khác đa giác đều này tồn tại 1 đỉnh M nào đó nằm trên đường trung trực của AB. | 0,25 |
| - Nếu M được tô cùng màu với A và B , ta có tam giác MAB thỏa mãn đề bài. | 0,25 |
| - Nếu M khác màu với A và B ta gọi đỉnh E kề với đỉnh A; gọi đỉnh F kề với đỉnh B và xảy ra trường hợp:+ Nếu cả E và F khác màu với A , B thì ta có M,E,F cùng màu suy ra tam giác MEF thỏa mãn đề bài. | 0,25 |
| + Nếu có ít nhất 1 đỉnh E hoặc F cùng màu với A và B , giả sử đỉnh E thì ta có tam giác ABE thỏa mãn đề bài. Vậy bài toán được chứng minh. | 0,25 |